

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

**ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ B15KDN**

TÊN HỌC PHẦN: **CĂN BẢN KINH TẾ VI MÔ**  
MÃ HỌC PHẦN: **ECO - 151**

**ĐỢT HỌC 1**  
**TÍN CHỈ 3**  
**LẦN THI 1**

Ngày thi: 03/02/2010

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				10		10		25					55	100		
1	152327002	Nguyễn Thị Thục Anh	B15KDN	10		9		7					7	7.5	Bảy <del>pháp</del> Năm	
2	152327003	Nguyễn Thị Thanh Bình	B15KDN	8		9		8					7.5	7.8	Bảy <del>pháp</del> Tám	
3	152327004	Trương Thị Thu Bình	B15KDN	8		9		8					7.5	7.8	Bảy <del>pháp</del> Tám	
4	152327005	Nguyễn Chiém Ca	B15KDN	8		9		8					6.5	7.3	Bảy <del>pháp</del> Ba	
5	152327007	Vũ Đình Cân	B15KDN	8		9		9					7.5	8.1	Tám <del>pháp</del> Mười	
6	152327012	Trần Thị Bích Diễm	B15KDN	6		9		8					6.5	7.1	Bảy <del>pháp</del> Mười	
7	152327013	Phan Thị Ngọc Diệu	B15KDN	10		9		9					7	8.0	Tám	
8	152327015	Phạm Đình Duy	B15KDN	6		9		7					6.5	6.8	Sáu <del>pháp</del> Tám	
9	152327016	Đoàn Mai Duyên	B15KDN	6		9		7					5	6.0	Sáu	
10	152327017	Lê Thị Mỹ Dương	B15KDN	8		9		8					5	6.5	Sáu <del>pháp</del> Năm	
11	152327019	Uông Ngọc Diễm	B15KDN	10		9		8					6	7.2	Bảy <del>pháp</del> Hai	
12	152327020	Đặng Quang Đức	B15KDN	7		9		8					7	7.5	Bảy <del>pháp</del> Năm	
13	152327021	Nguyễn Thị Hương Giang	B15KDN	10		9		8					7.5	8.0	Tám	
14	152327022	Phạm Thị Lê Giang	B15KDN	10		9		8					6	7.2	Bảy <del>pháp</del> Hai	
15	152327026	Lê Thị Mỹ Hạnh	B15KDN	10		9		7					5.5	6.7	Sáu <del>pháp</del> Bảy	
16	152327027	Nguyễn Thị Bích Hạnh	B15KDN	10		8		8					6.5	7.4	Bảy <del>pháp</del> Bốn	
17	152327029	Võ Thị Mỹ Hạnh	B15KDN	6		9		0					6	4.8	Bốn <del>pháp</del> Tám	
18	152327030	Hoàng Thị Thúy Hằng	B15KDN	8		9		8					7	7.6	Bảy <del>pháp</del> Sáu	
19	152327031	Huỳnh Lê Thị Thúy Hằng	B15KDN	10		9		8					8	8.3	Tám <del>pháp</del> Ba	
20	152327032	Huỳnh Phan Khánh Hằng	B15KDN	10		9		8					7.5	8.0	Tám	
21	152327034	Huỳnh Thị Thu Hiền	B15KDN	8		9		8					7	7.6	Bảy <del>pháp</del> Sáu	
22	152327037	Ninh Thị Hiền	B15KDN	10		8		7					5	6.3	Sáu <del>pháp</del> Ba	
23	152327040	Vũ Thị Thanh Hiền	B15KDN	10		9		8					7	7.8	Bảy <del>pháp</del> Tám	
24	152327041	Nguyễn Thị Như Hiếu	B15KDN	8		9		7					8.5	8.1	Tám <del>pháp</del> Mười	
25	152327042	Nguyễn Thị Xuân Hiếu	B15KDN	10		9		8					9	8.9	Tám <del>pháp</del> Chín	
26	152327043	Hoàng Thị Hòa	B15KDN	10		9		8					8	8.3	Tám <del>pháp</del> Ba	
27	152327045	Hoàng Thị Hoàn	B15KDN	10		8		8					6	7.1	Bảy <del>pháp</del> Mười	
28	152327046	Trương Thị Mỹ Hồng	B15KDN	10		9		8					6.5	7.5	Bảy <del>pháp</del> Năm	
29	152327048	Lê Thị Kim Huệ	B15KDN	8		9		7					8	7.9	Bảy <del>pháp</del> Chín	
30	152327049	Mai Kim Huệ	B15KDN	10		9		9					7	8.0	Tám	
31	152327047	Vũ Thị Huệ	B15KDN	10		9		8					7	7.8	Bảy <del>pháp</del> Tám	
32	152327051	Đặng Thị Huyền	B15KDN	10		9		8					7.5	8.0	Tám	
33	152327053	Nguyễn Quang Hưng	B15KDN	10		9		8					6.5	7.5	Bảy <del>pháp</del> Năm	
34	152327054	Nguyễn Thị Hương	B15KDN	8		9		8					6.5	7.3	Bảy <del>pháp</del> Ba	
35	152327055	Nguyễn Thị Lan Hương	B15KDN	10		9		7					7	7.5	Bảy <del>pháp</del> Năm	
36	152327056	Trần Thị Hoài Hương	B15KDN	0		0		0					V	0.0	Không	
37	152327059	Nguyễn Tào Khang	B15KDN	8		9		7					7	7.3	Bảy <del>pháp</del> Ba	
38	152327061	Nguyễn Thị Lan	B15KDN	8		8		8					5.5	6.6	Sáu <del>pháp</del> Sáu	
39	152327062	Lê Thị Hồng Lê	B15KDN	10		9		8					7	7.8	Bảy <del>pháp</del> Tám	
40	152327063	Nguyễn Thị Thanh Lê	B15KDN	10		9		8					7	7.8	Bảy <del>pháp</del> Tám	
41	152327064	Phan Thị Hoàng Lê	B15KDN	0		0		0					V	0.0	Không	
42	152327065	Trần Nguyễn Kỳ Lê	B15KDN	10		9		8					7.5	8.0	Tám	
43	152327066	Nguyễn Vũ Hạ Liên	B15KDN	10		8		8					7	7.7	Bảy <del>pháp</del> Bảy	

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

**ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ B15KDN**

TÊN HỌC PHẦN: **CĂN BẢN KINH TẾ VI MÔ**  
MÃ HỌC PHẦN : **ECO - 151**

**ĐỢT HỌC 1**  
**TÍN CHỈ 3**  
**LẦN THI 1**

Ngày thi: 03/02/2010

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25					55	100		
44	152327067	Nguyễn Thị	Liều	B15KDN	9		9		8					8	8.2	Tâm pháp Hai	
45	152327068	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	B15KDN	8		8		8					6.5	7.2	Bảy pháp Hai	
46	152327070	Đặng Thị	Lụa	B15KDN	8		9		8					8	8.1	Tâm pháp Mười	
47	152327072	Nguyễn Thị	Ly	B15KDN	6		9		7					6	6.6	Sáu pháp Sáu	
48	152327076	Đặng Thị	Nga	B15KDN	10		9		8					6	7.2	Bảy pháp Hai	
49	152327077	Đặng Thị Thanh	Nga	B15KDN	10		8		8					6.5	7.4	Bảy pháp Bốn	
50	152327078	Phạm Thị	Nga	B15KDN	8		9		8					V	0.0	Không	
51	152327079	Trần Thị Kim	Nga	B15KDN	10		9		8					6	7.2	Bảy pháp Hai	
52	152327080	Nguyễn Thị Thúy	Nga	B15KDN	10		9		8					7.5	8.0	Tâm	
53	152327082	Phạm Dương Thu	Nguyệt	B15KDN	10		9		8					9	8.9	Tâm pháp Chín	
54	152327084	Võ Hoàng Thảo	Nhi	B15KDN	6		8		7					6.5	6.7	Sáu pháp Bảy	
55	152327086	Đoàn Quỳnh	Nhung	B15KDN	5		9		8					6	6.7	Sáu pháp Bảy	
56	152327088	Võ Thị Tuyết	Nhung	B15KDN	10		9		8					7.5	8.0	Tâm	
57	152327089	Hồ Thị Hoàng	Oanh	B15KDN	8		9		7					6	6.8	Sáu pháp Tám	
58	152327090	Đặng Thị Hồng	Phấn	B15KDN	10		9		8					7	7.8	Bảy pháp Tám	
59	152327091	Nguyễn Thị	Phương	B15KDN	10		9		8					4	6.1	Sáu pháp Mười	
60	152327092	Nguyễn Thị Nhật	Phương	B15KDN	10		9		7					5.5	6.7	Sáu pháp Bảy	
61	152327093	Phan Thị Ngọc	Phương	B15KDN	6		0		0					V	0.0	Không	
62	152327094	Nguyễn Thúy	Phượng	B15KDN	10		8		8					5.5	6.8	Sáu pháp Tám	
63	152327095	Phạm Thị Mỹ	Phượng	B15KDN	10		9		8					7	7.8	Bảy pháp Tám	
64	152327097	Nguyễn Phạm Như	Quỳnh	B15KDN	8		8		8					6.5	7.2	Bảy pháp Hai	
65	152327098	Hồ Thị	Sen	B15KDN	10		9		7					8	8.1	Tâm pháp Mười	
66	152327099	Nguyễn Thị Ngọc	Sương	B15KDN	10		9		8					7	7.8	Bảy pháp Tám	
67	152327100	Nguyễn Thị	Tâm	B15KDN	10		9		8					7	7.8	Bảy pháp Tám	
68	152327101	Phạm Trần Thị Hồng	Tâm	B15KDN	10		9		7					7	7.5	Bảy pháp Năm	
69	152327103	Võ Thị Minh	Tâm	B15KDN	10		9		8					7	7.8	Bảy pháp Tám	
70	152327105	Cao Thị Mai	Thảo	B15KDN	8		9		8					5.5	6.7	Sáu pháp Bảy	
71	152327106	Hoàng Thị	Thảo	B15KDN	8		9		8					7	7.6	Bảy pháp Sáu	
72	152327108	Phan Thị Thu	Thảo	B15KDN	10		9		8					7.5	8.0	Tâm	
73	152327109	Phan Thị Thu	Thảo	B15KDN	0		0		0					V	0.0	Không	
74	152327111	Lê Thị	Thắm	B15KDN	10		9		8					7	7.8	Bảy pháp Tám	
75	152327113	Hà Thị	Thòa	B15KDN	8		9		8					7	7.6	Bảy pháp Sáu	
76	152327114	Phạm Thị	Thơ	B15KDN	10		9		7					7	7.5	Bảy pháp Năm	
77	152327116	Dương Thị Bích	Thùy	B15KDN	8		9		8					7.5	7.8	Bảy pháp Tám	
78	152327117	Thiều Thị	Thùy	B15KDN	10		9		8					7	7.8	Bảy pháp Tám	
79	152327122	Nguyễn Thị	Thúy	B15KDN	8		9		8					6	7.0	Bảy	
80	152327123	Võ Thị	Thư	B15KDN	10		9		8					7	7.8	Bảy pháp Tám	
81	152327125	Nguyễn Hoàng Đan	Thy	B15KDN	8		9		8					5.5	6.7	Sáu pháp Bảy	
82	152327127	Đinh Thị	Tím	B15KDN	10		9		8					5	6.7	Sáu pháp Bảy	
83	152327128	Đinh Ngọc Thùy	Trang	B15KDN	8		9		8					7.5	7.8	Bảy pháp Tám	
84	152327129	Đoàn Thị	Trang	B15KDN	6		9		7					7.5	7.4	Bảy pháp Bốn	
85	152327130	Nguyễn Thị Hoài	Trang	B15KDN	8		8		8					5.5	6.6	Sáu pháp Sáu	
86	152327133	Phan Thị Thảo	Trang	B15KDN	8		9		8					7.5	7.8	Bảy pháp Tám	

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN  
PHÒNG ĐÀO TẠO**

**ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ B15KDN**

TÊN HỌC PHẦN: **CĂN BẢN KINH TẾ VI MÔ**  
MÃ HỌC PHẦN: **ECO - 151**

ĐỢT HỌC **1**  
TÍN CHỈ **3**  
LẦN THI **1**

Ngày thi: 03/02/2010

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				10		10		25					55	100		
87	152327134	Bùi Thị Chu <b>Trinh</b>	B15KDN	9		9		8					7.5	<b>7.9</b>	<i>Bảy phẩy Chèn</i>	
88	152327136	Đỗ Thị <b>Túy</b>	B15KDN	10		9		8					5.5	<b>6.9</b>	<i>Sáu phẩy Chèn</i>	
89	152327137	Lại Thị Kim <b>Tuyền</b>	B15KDN	8		8		8					6.5	<b>7.2</b>	<i>Bảy phẩy Hai</i>	
90	152327139	Nguyễn Thị Ánh <b>Tuyệt</b>	B15KDN	10		9		8					8	<b>8.3</b>	<i>Tám phẩy Ba</i>	
91	152327140	Phạm Thị <b>Tuyệt</b>	B15KDN	6		9		9					8	<b>8.2</b>	<i>Tám phẩy Hai</i>	
92	152327141	Hà Trần Phương <b>Uyên</b>	B15KDN	8		9		8					7	<b>7.6</b>	<i>Bảy phẩy Sáu</i>	
93	152327142	Nguyễn Trần Hoàng <b>Uyên</b>	B15KDN	10		9		8					6.5	<b>7.5</b>	<i>Bảy phẩy Năm</i>	
94	152327143	Trịnh Thị <b>Vinh</b>	B15KDN	8		9		7					6	<b>6.8</b>	<i>Sáu phẩy Tám</i>	
95	152327144	Đỗ Thị Hà <b>Xuyên</b>	B15KDN	8		9		8					7.5	<b>7.8</b>	<i>Bảy phẩy Tám</i>	
96	152327145	Cao Thị Huỳnh <b>Yên</b>	B15KDN	10		9		7					7	<b>7.5</b>	<i>Bảy phẩy Năm</i>	
97	152327147	Lê Thị <b>Yên</b>	B15KDN	8		8		7					6.5	<b>6.9</b>	<i>Sáu phẩy Chèn</i>	
98	152327009	Nguyễn Thị Phương <b>Chi</b>	B15KDN	10		9		5					5.5	<b>6.2</b>	<i>Sáu phẩy Hai</i>	
99	152327132	Phạm Thị Khánh <b>Trang</b>	B15KDN	10		9		8					6.5	<b>7.5</b>	<i>Bảy phẩy Năm</i>	

**BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU**

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	94	95%	
2	Số sinh viên nợ	5	5%	
<b>TỔNG CỘNG :</b>		<b>99</b>	<b>100%</b>	

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 03 năm 2010

**LÃNH ĐẠO**

**KIỂM TRA**

**TTẤT TÀI XA & T. XUYỂN**

**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Nguyễn Kim Đức

Phạm Hồng Phương

ThS. Hồ Văn Nhân

Nguyễn Ân